

Số: 1028/QĐ-CVCX

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Hồ sơ báo giá Phi tư vấn – Dịch vụ thi công Hệ thống tưới Phục vụ Gói thầu XL-3: Đoạn từ đường Lương Ngọc Quyến đến sông Vàm Thuật (từ Km5+216 đến Km6+638)

Hạng mục: Công viên cây xanh (Bờ Gò Vấp, bờ Bình Thạnh)

Phần công việc: Hệ thống tưới

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV CÔNG VIÊN CÂY XANH TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 1649/QĐ-HĐTV ngày 02/7/2025 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM (gọi tắt là Công ty) về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu trong hoạt động mua sắm của Công ty;

Căn cứ Quyết định số 897/QĐ-CVCX ngày 03/4/2026 của Công ty về việc phê duyệt dự toán Gói thầu XL-3: Đoạn từ đường Lương Ngọc Quyến đến sông Vàm Thuật (từ Km5+216 đến Km6+638) Hạng mục: Công viên cây xanh (Bờ Gò Vấp, bờ Bình Thạnh) Phần công việc: Hệ thống tưới;

Căn cứ Quyết định số 967/QĐ-CVCX ngày 09/4/2026 của Công ty về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm dịch vụ thi công hệ thống tưới phục vụ Gói thầu XL-3: Đoạn từ đường Lương Ngọc Quyến đến sông Vàm Thuật (từ Km5+216 đến Km6+638) Hạng mục: Công viên cây xanh (Bờ Gò Vấp, bờ Bình Thạnh) Phần công việc: Hệ thống tưới;

Căn cứ Quyết định số 968/QĐ-CVCX ngày 09/4/2026 của Công ty về việc thành lập Tổ mua sắm dự toán mua sắm dịch vụ thi công hệ thống tưới phục vụ Gói thầu XL-3: Đoạn từ đường Lương Ngọc Quyến đến sông Vàm Thuật (từ Km5+216 đến Km6+638) Hạng mục: Công viên cây xanh (Bờ Gò Vấp, bờ Bình Thạnh) Phần công việc: Hệ thống tưới.

Căn cứ Tờ trình số 276/TTr-KD ngày 13/4/2026 của Tổ mua sắm về việc phê duyệt Hồ sơ báo giá gói thầu Phi tư vấn - Dịch vụ thi công Hệ thống tưới phục vụ Gói thầu XL-3: Đoạn từ đường Lương Ngọc Quyến đến sông Vàm Thuật (từ Km5+216 đến Km6+638) Hạng mục: Công viên cây xanh (Bờ Gò Vấp, bờ Bình Thạnh) Phần công việc: Hệ thống tưới;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh doanh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ báo giá gói thầu Phi tư vấn - Dịch vụ thi công Hệ thống tưới phục vụ Gói thầu XL-3: Đoạn từ đường Lương Ngọc Quyến đến sông Vàm Thuật (từ Km5+216 đến Km6+638) Hạng mục: Công viên cây xanh (Bờ Gò Vấp, bờ Bình Thạnh) Phần công việc: Hệ thống tưới như hồ sơ đính kèm.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổ mua sắm, các Phòng nghiệp vụ và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HĐTV, KSV;
- Các PGĐ, KTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, KD.LV. /s/

GIÁM ĐỐC



Lê Thành Khoa

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

- **Tên gói thầu:** Phi tư vấn - Dịch vụ thi công Hệ thống tưới
- **Dự toán mua sắm:** Dịch vụ thi công phục vụ Gói thầu XL-3: Đoạn từ đường Lương Ngọc Quyến đến sông Vàm Thuật (từ Km5+216 đến Km6+638)
Hạng mục: Công viên cây xanh (Bờ Gò Vấp, bờ Bình Thạnh)
Phần công việc: Hệ thống tưới
- **Phát hành ngày:** 13/4/2026
- **Ban hành kèm theo Quyết định:** 1028/QĐ-CVCX ngày 13/4/2026

Bên mời thầu

GIÁM ĐỐC



Lê Thành Khoa

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM
2. Tên bên mời thầu là: Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM
3. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) gói thầu Phi tư vấn - Dịch vụ thi công Hệ thống tưới thuộc dự toán mua sắm Dịch vụ thi công phục vụ Gói thầu XL-3: Đoạn từ đường Lương Ngọc Quyến đến sông Vàm Thuật (từ Km5+216 đến Km6+638) Hạng mục: Công viên cây xanh (Bờ Gò Vấp, bờ Bình Thạnh); Phần công việc: Hệ thống tưới

Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.

4. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

2.1 Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 03b Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Cam kết thực hiện gói thầu Phi tư vấn theo Mẫu số 02 Chương III
3. Biểu giá theo Mẫu số 3b Chương III
4. Các nội dung cần thiết khác: Phải cung cấp hồ sơ đáp ứng yêu cầu tại Chương II

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Số 2 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, TP.HCM, số điện thoại 02838295729, không muộn hơn **10 giờ 00 phút ngày 17/4/2026**. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau: 3% * giá trị hợp đồng bằng hình thức đảm bảo bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc bảo lãnh ngân hàng.

Mục 9. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định của Luật đấu thầu

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

1. Phạm vi

TT	Nội dung dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Đvt	Khối lượng	Yêu cầu khác
1	Lắp đặt van điện từ 2", 24 VAC, có thể lắp bộ phận điều chỉnh áp, lưu lượng vận hành từ 9-34m ³ /h, tích hợp bộ nhận tín hiệu IVM-SOL		cái	22	
2	Lắp đặt van điện từ 3", 24 VAC, có thể lắp bộ phận điều chỉnh áp		cái	2	
3	Lắp đặt cảm biến lưu lượng, đường kính 3"		cái	2	
4	Lắp đặt bộ điều chỉnh áp lực cho van điện từ		cái	24	
5	Lắp đặt bộ nhận tín hiệu gắn ở van tổng		cái	2	
6	Lắp đặt bộ nhận tín hiệu gắn ở máy bơm		cái	2	
7	Lắp đặt bộ nhận tín hiệu gắn ở cảm biến lưu lượng		cái	2	
8	Lắp đặt Bộ chống sét đánh lan truyền trên đường dây van điện từ		cái	20	
9	Lắp đặt hộp bảo vệ van 6" - loại có vít bảo vệ		hộp	110	
10	Lắp đặt hộp bảo vệ van 10" - loại có vít bảo vệ		hộp	46	
11	Lắp đặt hộp đường kính dài 55,4cm, rộng 42,2cm, cao 30,5 cm		hộp	4	
12	Lắp đặt thân phun Pop-up 12"		bộ	1.422	
13	Lắp đặt Thân đầu tưới nhô cao 10cm (tương đương 4")		bộ	486	
14	Lắp đặt Béc tưới tràn, góc tưới 0-360 độ. Bán kính tưới 0,3-0,9m. Áp lực 1,4-6,3 bar		bộ	486	
15	Lắp đặt Đầu chuyển ghép nối 1/2"-1/8"		cái	486	
16	Lắp đặt đầu phun tia, nháy múa, góc tưới 360 độ. Bán kính tưới 4.3 m. Áp lực 3.1 bar		bộ	127	

17	Lắp đặt đầu phun tia, nhảy múa, góc tưới 360 độ. Bán kính tưới 5,2m. Áp lực 3.1 bar		bộ	369	
18	Lắp đặt đầu phun tia, nhảy múa, góc tưới 360 độ. Bán kính tưới 7,0m. Áp lực 3.1 bar		bộ	263	
19	Lắp đặt đầu phun tia, nhảy múa, góc tưới hình chữ nhật bên phải. Bán kính tưới 1,5mx4,6m. Áp lực 3.1 bar		bộ	11	
20	Lắp đặt đầu phun tia, nhảy múa, góc tưới hình chữ nhật bên trái. Bán kính tưới 1,5mx4,6m. Áp lực 3.1 bar		bộ	10	
21	Lắp đặt đầu phun tia, nhảy múa, góc tưới hình chữ nhật ở giữa. Bán kính tưới 1,5mx9,1m. Áp lực 3.1 bar		bộ	49	
22	Lắp đặt Co chuyên dụng, 1 đầu ren ngoài 3/4", 1 đầu gài 1/2", chịu áp tối đa 5.5 bar. Dùng để nối giữa đầu tưới và ống dẻo chuyên dụng		cái	1.908	
23	Lắp đặt Co chuyên dụng, 1 đầu ren ngoài 1/2", 1 đầu gài 1/2", chịu áp tối đa 5.5 bar. Dùng để nối giữa đầu tưới và ống dẻo chuyên dụng		cái	1.908	
24	Lắp đặt ống dẻo nối đai khơi thủy với thân phun áp lực max 5,5bar (30m/cuộn)		100m	19,18	
25	Lắp đặt van tưới tay 3/4", bằng đồng		cái	64	
26	Lắp đặt khóa di động kết nối với van tưới tay 3/4", bằng đồng		cái	20	
27	Lắp đặt bộ kết nối cơ răng 3/4" (gắn giữa khóa tay và kết nối ống tưới), bằng đồng		cái	20	
28	Lắp đặt đầu phun xoè, góc tưới 0-330 độ. Bán kính tưới 1.8 m. Áp lực 2.1 bar		bộ	21	
29	Lắp đặt đầu phun xoè, góc tưới 0-330 độ. Bán kính tưới 2.4 m. Áp lực 2.1 bar		bộ	66	
30	Lắp đặt đầu phun xoè, góc tưới 0-330 độ. Bán kính tưới 3.1 m. Áp lực 2.1 bar		bộ	134	
31	Lắp đặt đầu phun xoè, góc tưới 0-360 độ. Bán kính tưới 3.7 m. Áp lực 2.1 bar		bộ	126	
32	Lắp đặt đầu phun xoè, góc tưới 0-360 độ. Bán kính tưới 4.6 m. Áp lực 2.1 bar		bộ	104	

33	Lắp đặt đầu phun xoè, góc tưới 0-360 độ. Bán kính tưới 5.5 m. Áp lực 2.1 bar	bộ	28	
34	Lắp đặt đầu phun xoè, góc tưới hình chữ nhật bên phải. Phạm vi tưới 1.2 m x 4,6 m. Áp lực 2.1 bar	bộ	20	
35	Lắp đặt đầu phun xoè, góc tưới hình chữ nhật bên trái. Phạm vi tưới 1.2 m x 4,6 m. Áp lực 2.1 bar	bộ	21	
36	Lắp đặt đầu phun xoè, góc tưới hình chữ nhật hai bên. Phạm vi tưới 1.2 m x 9,2 m. Áp lực 2.1 bar	bộ	73	
III. CÁC PHỤ KIỆN LẮP ĐẶT ĐƯỜNG ỐNG VÀ PHỤ KIỆN:				
37	Lắp đặt ống nhựa HDPE D110 - 8 bar phương pháp hàn gia nhiệt	100m	26,59	
38	Lắp đặt ống nhựa HDPE D90 - 8 bar	100m	1,30	
39	Lắp đặt ống nhựa HDPE D63 - 8 bar	100m	39,13	
40	Lắp đặt ống nhựa HDPE D40 - 8 bar	100m	45,08	
41	Lắp đặt ống nhựa HDPE D32 - 8 bar	100 m	0,48	
42	Lắp đặt ống thép STK D168x5,56mm	100m	0,30	
43	Lắp đặt ống STK D90x3.0mm	100m	6,26	
44	Lắp đặt ống thép SUS304 D90x3,05mm	100m	0,06	
45	Cà rá đồng D3/4" (2 đầu ren ngoài 3/4")	cái	64	
46	Cà rá giảm (ren trong D27, ren ngoài D13)	cái	2	
47	Cà rá giảm (ren trong D21, ren ngoài D13)	cái	4	
48	Co ren trong D13	cái	4	
49	Nối hai đầu ren ngoài D13	cái	8	
50	Tứ thông ren trong D13	cái	2	
51	Lắp đai khởi thuỷ D110x3/4"	cái	66	
52	Lắp đai khởi thuỷ D110x2"	cái	2	

53	Lắp đai khởi thủy D63x3/4"		cái	823	
54	Lắp đai khởi thủy D40x3/4"		cái	1.085	
55	Lắp đặt nối thẳng HDPE D90 x 90mm		cái	5	
56	Lắp đặt nối thẳng HDPE D63 x 63mm		cái	39	
57	Lắp đặt nối thẳng HDPE D40 x 40mm		cái	46	
58	Lắp đặt Nối ren ngoài HDPE D90 x 3"		cái	4	
59	Lắp đặt Nối ren ngoài HDPE D90 x 2"		cái	22	
60	Lắp đặt Nối ren ngoài HDPE D63 x 2"		cái	22	
61	Lắp đặt Nối ren trong HDPE D32 x 1"		cái	2	
62	Lắp đặt Nối ren trong HDPE D25 x 3/4"		cái	20	
63	Lắp nút bít HDPE D110mm		cái	4	
64	Lắp nút bít HDPE D63mm		cái	2	
65	Lắp nút bít HDPE D40mm		cái	80	
66	Lắp đặt tê HDPE D110mm		cái	24	
67	Lắp đặt tê HDPE D90mm		cái	9	
68	Lắp đặt tê HDPE D63mm		cái	114	
69	Lắp đặt tê HDPE D40mm		cái	50	
70	Lắp đặt co HDPE D90mm		cái	5	
71	Lắp đặt co HDPE D110mm		cái	8	
72	Lắp đặt co HDPE D63mm		cái	140	
73	Lắp đặt co HDPE D40mm		cái	129	
74	Lắp đặt co HDPE D32mm		cái	8	
75	Lắp đặt nối giảm HDPE D110x3"		cái	22	
76	Lắp đặt nối giảm HDPE D63x1-1/4"		cái	111	
77	Lắp đặt mặt bích HDPE D90		cái	2	
78	Lắp đặt van HDPE D110		cái	2	

79	Lắp đặt van HDPE D90		cái	22	
80	Lắp đặt nối ren ngoài SUS304 D90		cái	2	
81	Lắp đặt co SUS304 D90		cái	6	
82	Lắp mặt bích SUS304 D90		cặp bích	6	
83	Lắp đặt van 1 chiều bướm SUS304 D90		cái	2	
	III/. CÁC PHỤ KIỆN BẢO VỆ ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN, BƠM				
84	Lắp đặt ống HDPE xoắn D50/40mm		m	190	
85	Lắp đặt ống HDPE xoắn D32/25mm		m	2.700	
86	Lắp đặt cáp tín hiệu 2x2,08mm điều khiển cho van điện từ, cảm biến lưu lượng, van tổng.		m	2.700	
87	Lắp đặt cáp tín hiệu 2x1,5mm ² điều khiển cho van điện từ, cảm biến lưu lượng, van tổng.		m	80	
88	Lắp đặt dây dẫn Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x16mm ² -0,6/1kV		m	40	
89	Lắp đặt dây dẫn Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x25mm ² -0,6/1kV		m	150	
90	Lắp đặt máy bơm hoá tiễn, lưu lượng Q=21m ³ /h áp lực 7,0Bar, công suất 10,0HP (7,5kW)		máy	2	
91	Lắp đặt điện kế cấp điện 3P cho hệ thống (tính một bộ: đồng hồ điện kế+tủ nguồn H760xW500xD320+MCB)		hộp	2	
92	Lắp đặt Vô tủ nhựa KT: H350xW250xD180mm (Lắp bộ kiểm soát áp suất)		tủ	2	
93	Công tắc áp suất (điều chỉnh áp suất 2-14 bar cho hệ thống)		cái	2	
94	Lắp đặt Bộ cảm biến áp suất (0-10bar)		cái	2	
95	Lắp đặt Đồng hồ đo áp suất		cái	2	
96	Lắp đặt Van phao cơ SUS 304-DN25		cái	2	

97	Lắp đặt van phao điện chống tràn - chống cạn		cái	4	
98	Lắp đặt Cọc tiếp địa mạ đồng D16, L=2,4m		cọc	12	
99	Dây đồng trần 25 mm ²		100m	24	
100	Cung cấp, lắp đặt cọc thép D12-L500 cố định van tưới tay/ nối đất cho cảm biến lưu lượng		cọc	64	
101	Đắp đá 1x2 lót dưới các hộp bảo vệ van		m ³	0,889	
	TỔNG NHÓM: III/. CÁC PHỤ KIỆN BẢO VỆ ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN, BƠM				
	IV/. PHẦN TỬ ĐIỀU KHIỂN :				
102	Lắp đặt Tủ điều khiển 1 lớp cánh composite H1200xW600xD450 (có mái che)		tủ	2	
103	Lắp đặt Tủ điều khiển 1 lớp cánh composite H760xW500xD320 (có mái che)		tủ	2	
104	Bộ điều khiển tưới tự động IVM. Kiểm soát tối thiểu 60 khu vực khác nhau. Lập trình tưới nước theo lịch 365 ngày và tiết kiệm nước 50%		bộ	2	
105	Lắp đặt cảm biến mưa		cái	2	
106	Lắp đặt biến tần 3 pha 11kW (15HP) + màn hình hiển thị		bộ	2	
107	Cáp điện Vcm 0.75mm ² - (1x24/0.2) 300-500V		m	100	
108	Lắp đặt bộ bảo vệ mất pha		cái	2	
109	Lắp đặt MCCB - 3P - 63A - 18kA		cái	2	
110	Lắp đặt MCB - 3P - 50A - 6kA		cái	2	
111	Lắp đặt đèn báo pha D22 cho tủ điều khiển		5 đèn	2,8	
112	Lắp đặt nút nhấn điều khiển bằng tay		cái	2	
113	Lắp đặt Domino 40A - 30 cực		cái	4	
114	Công tắc gạt 3 vị trí		cái	2	

115	Khởi động từ (contactor) MC40A-220V		cái	2	
116	Rơ le trung gian 24VAC - 14 chân		cái	4	
117	Rơ le nhiệt MT-32 (28-40A)		cái	2	
118	Rơ le thời gian 220V (0-60 giây)		cái	2	
119	Bộ nguồn 220V/24V DC		cái	2	
120	Nút nhấn Reset (màu vàng)		cái	6	
121	Đồng hồ đo Volte kế 96mm x 96mm		cái	2	
122	Công tắc chuyển mạch 380V		bộ	2	
123	Lắp đặt quạt hút từ điện kèm miệng gió 150x150x66mm		cái	2	
124	Đồng hồ đo nhiệt		cái	2	
125	Bộ cảm biến nhiệt độ		cái	2	
	MÓNG TỬ ĐIỆN (760x500x320)				
126	Ván khuôn thép, ván khuôn móng cột		100m ²	0,026	
127	Bê tông bê tông móng rộng <=250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 16Mpa		m ³	0,308	
	TỬ ĐIỆN (1200x600x400)				
128	Ván khuôn thép, ván khuôn móng cột		100m ²	0,03	
129	Bê tông móng rộng <=250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 16Mpa		m ³	0,41	
	Phần ống STK D168, D90 đặt chò bằng đường				
130	Đào kênh mương, rãnh thoát nước, đường ống, đường cáp bằng thủ công, rộng <= 1m, sâu <=1m, đất cấp II		m ³	196,80	
131	Đắp đất nền móng công trình, nền đường		m ³	192,82	
132	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 27 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp II (1km đầu)		100m ³	0,04	
133	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 27T 1km tiếp theo trong phạm vi <= 5km, đất cấp II (3,3km tiếp theo)		100m ³	0,04	

	Phần đi ống chính HDPE D110, D90, D63, D40 và ống gân xoắn trong khu vực cỏ kiểng				
134	Đào xúc đất để đắp hoặc ra bãi thải, bãi tập kết bằng thủ công, đất cấp II		m3	1.422,925	
135	Đắp đất nền móng công trình, nền đường		m3	1.376,445	
136	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 27 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp II (1km đầu)		100m3	0,465	
137	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 27T 1km tiếp theo trong phạm vi <= 5km, đất cấp II (3,3km tiếp theo)		100m3	0,465	
138	Xếp gạch thẻ cảnh báo cáp ngầm		m2	578,000	
	HỒ ĐỒNG HỒ NƯỚC				
139	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng > 1m, sâu > 1m, đất cấp II		m3	1,232	
140	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 27 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp II (1km đầu)		100m3	0,012	
141	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 27T 1km tiếp theo trong phạm vi <= 5km, đất cấp II (3,3km tiếp theo)		100m3	0,012	
142	Bê tông móng rộng <=250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 12Mpa		m3	0,112	
143	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép <= 10mm		tấn	0,012	
144	Bê tông móng rộng <=250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 16Mpa		m3	0,224	
145	Ván khuôn thép, ván khuôn móng cột		100m2	0,008	
146	Xây gạch thẻ 4x8x18, vữa 8Mpa, dày 200		m3	0,864	
147	Trát tường chiều dày trát 1,5cm vữa 8Mpa		m2	4,160	
148	Thép góc SUS304 V50x50x4		tấn	0,026	

2. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

Đảm bảo thi công đúng theo yêu cầu thiết kế đã được duyệt và Chủ đầu tư có quyền kiểm tra bất cứ khâu nào trong quá trình thực hiện của nhà thầu. Yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

3.1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình:

- Mọi công tác thi công và nghiệm thu các hạng mục công việc đều phải tuân thủ theo các Quy trình thi công và nghiệm thu hiện hành.

- Nhà thầu phải có cam kết bảo hành thuộc gói thầu và sẽ khắc phục sửa chữa các hư hỏng do thi công không đúng cách, trừ trường hợp hư hỏng do bão lũ hoặc do các điều kiện bất khả kháng gây ra. Tuân thủ đầy đủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuyên ngành cũng như quy định pháp luật có liên quan.

3.2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:

- Mọi công tác kỹ thuật thi công, giám sát các hạng mục công việc đều phải tuân thủ theo quy định hiện hành.

- Tuân thủ đúng theo quy định, Tiêu chuẩn, Quy chuẩn hiện hành của Nhà nước về công tác thi công xây dựng Công trình.

3.3. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công:

Biểu đồ tiến độ thi công, biểu đồ nhân lực và phân bổ nhân lực, thiết bị phù hợp.

Tùy theo tiến độ và khối lượng công việc, nhà thầu có biện pháp huy động nhân lực và thiết bị thi công cho phù hợp. Tuy nhiên, để công việc thực hiện có hiệu quả, yêu cầu tại hiện trường phải có:

Nhân lực: Phải đáp ứng đủ số lượng theo hồ sơ dự thầu, và tùy vào thời gian cao điểm có thể bố trí thêm nhân lực

Thiết bị thi công: Phải đáp ứng đủ số lượng theo hồ sơ dự thầu

3.4. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục:

Nhà thầu đề xuất biện pháp thi công chi tiết và tổng thể từng hạng mục theo yêu cầu của gói thầu đầy đủ, hợp lý và khả thi trên cơ sở các quy trình quy phạm thi công và nghiệm thu hiện hành; đảm bảo được tiến độ, chất lượng của công trình.

3.5 Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu:

Có phương án, quy trình kiểm tra chất lượng đầy đủ, biện pháp quản lý hợp lý ở tất cả các công đoạn, hạng mục.

- Lập hệ thống quản lý chất lượng, yêu cầu kỹ thuật phù hợp với yêu cầu, tính chất, quy mô gói thầu, trong đó quy định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận thi công;

- Lập và kiểm tra thực hiện biện pháp thi công, tiến độ thi công;

- Kiểm tra an toàn lao động, vệ sinh môi trường bên trong và bên ngoài công trình;

- Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động (nếu có), vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo yêu cầu của chủ đầu tư.

Hình thức báo cáo:

+ Lịch công việc thực hiện: Báo cáo trước khi thực hiện công việc theo tuần, tháng (hoặc theo quý) để chủ đầu tư theo dõi, giám sát việc thực hiện thi công. (Ví dụ: Lịch tưới, cắt tỉa...).

+ Nhật ký thi công: Dùng để báo cáo công việc đã thực hiện trong kỳ. Báo cáo định kỳ kết thúc công việc theo tuần, tháng hoặc quý. Báo cáo này được đối chiếu với lịch công việc thực hiện (có giám sát thực hiện của chủ đầu tư) làm cơ sở để thanh quyết toán khối lượng công việc hoàn thành.

- Chuẩn bị tài liệu làm căn cứ nghiệm thu, lập phiếu yêu cầu chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu;

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công trình; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, thi công không đảm bảo chất lượng hoặc gây hư hỏng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi khác gây ra thiệt hại.

4. Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

- Nhà thầu phải có biện pháp giảm tối đa ô nhiễm môi trường nước, không khí, tiếng ồn tại khu vực thực hiện và xung quanh; phải có rào che chắn khu vực thực hiện;

- Trước khi thực hiện tổ chức xem xét nghiên cứu đánh giá hiện trạng của mặt bằng công trình, liên hệ chặt chẽ với bên A để đề ra được giải pháp tối ưu bảo vệ môi trường;

- Trong quá trình thực hiện không làm thiệt hại đến quyền lợi, không làm hư hại đến công trình, đường xá công cộng quanh khu vực thực hiện;

- Khi thực hiện phải hạn chế để bụi bặm, rác gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Cuối ngày phải dọn sạch rác, ... đổ vào chỗ qui định;

- Nhà thầu phải tự đảm bảo nguồn nước để thực hiện dịch vụ

5. Yêu cầu về an toàn lao động, an toàn giao thông:

Có biện pháp về an toàn lao động đảm bảo yêu cầu, cụ thể:

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về an toàn của tất cả các hoạt động tại khu vực thực hiện trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng

- An toàn đối với con người (công nhân, cán bộ thực hiện của nhà thầu, và tất cả những người khác có mặt tại khi vực thực hiện và các khu vực khác có liên quan);

- Có biện pháp đảm bảo an toàn khi làm việc;

- Bảo đảm trật tự, an ninh.

- Đối với công nhân trên công trường phải có trang bị bảo hộ lao động. Cán bộ công nhân trên công trường phải được tập huấn an toàn lao động.

- Đối với các công việc thi công trên cao phải có bảo hiểm an toàn lao động,

- Đối với máy móc thiết bị thi công trên công trường phải có biện pháp bảo đảm an toàn máy móc, thiết bị...

6. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Mục này quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, trình tự giao nộp sản phẩm (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng.

Chương III. BIỂU MẪU

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]
 Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]
 Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số ____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, **Công ty TNHH Dịch vụ Cảnh quan Nam Phát**, cam kết thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là : **1.255.460.850 đ (Một tỷ, hai trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn, tám trăm năm mươi đồng)** cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật
3. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ngày ____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

Giám đốc

CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU PHI TƯ VẤN
(áp dụng đối với gói thầu Phi tư vấn)

Ngày: ___ [Điền ngày, tháng, năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá, văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số ___ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có], chúng tôi, [Ghi tên Công ty], cam kết đã nghiên cứu kỹ các thông tin và sẽ thực hiện gói thầu ___ [Ghi tên gói thầu] theo đúng hồ sơ yêu cầu báo giá được duyệt cũng như tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và bảo đảm thực hiện các yêu cầu khác theo đúng quy định của bản yêu cầu báo giá.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin nêu tại bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

Giám đốc

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO
(áp dụng đối với gói thầu Phi tư vấn)

Bên mời thầu đưa ra danh sách các hạng mục công việc của gói thầu trong cột “Mô tả công việc mời thầu” cùng với đơn vị đo lường và khối lượng mời thầu tương ứng, phù hợp với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đính kèm bản yêu cầu báo giá này. Mỗi hạng mục sẽ được mô tả chi tiết theo bảng sau để nhà thầu điền giá chào cho từng hạng mục.

TT	Mô tả công việc	yêu cầu chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (cột 5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Dịch vụ thi công Hệ thống tưới	Lắp đặt van điện từ 2", 24 VAC, có thể lắp bộ phận điều chỉnh áp, lưu lượng vận hành từ 9-34m3/h, tích hợp bộ nhận tín hiệu IVM-SOL	cái	22		
		Lắp đặt van điện từ 3", 24 VAC, có thể lắp bộ phận điều chỉnh áp	cái	2		
		Lắp đặt cảm biến lưu lượng, đường kính 3"	cái	2		
		Lắp đặt bộ điều chỉnh áp lực cho van điện từ	cái	24		
		Lắp đặt bộ nhận tín hiệu gắn ở van tổng	cái	2		
		Lắp đặt bộ nhận tín hiệu gắn ở máy bơm	cái	2		
		Lắp đặt bộ nhận tín hiệu gắn ở cảm biến lưu lượng	cái	2		
		Lắp đặt Bộ chống sét đánh lan truyền trên đường dây van điện từ	cái	20		
		Lắp đặt hộp bảo vệ van 6" - loại có vít bảo vệ	hộp	110		

TT	Mô tả công việc	yêu cầu chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (cột 5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Lắp đặt hộp bảo vệ van 10" - loại có vít bảo vệ	hộp	46		
		Lắp đặt hộp đường kính dài 55,4cm, rộng 42,2cm, cao 30,5 cm	hộp	4		
		Lắp đặt thân phun Pop-up 12"	bộ	1.422		
		Lắp đặt Thân đầu tưới nhô cao 10cm (tương đương 4")	bộ	486		
		Lắp đặt Đầu chuyển ghép nối 1/2"-1/8"	cái	486		
		Lắp đặt đầu phun tia, nhảy múa, góc tưới 360 độ. Bán kính tưới 4.3 m. Áp lực 3.1 bar	bộ	127		
		Lắp đặt đầu phun tia, nhảy múa, góc tưới 360 độ. Bán kính tưới 5,2m. Áp lực 3.1 bar	bộ	369		
		Lắp đặt đầu phun tia, nhảy múa, góc tưới 360 độ. Bán kính tưới 7,0m. Áp lực 3.1 bar	bộ	263		
		Lắp đặt đầu phun tia, nhảy múa, góc tưới hình chữ nhật bên phải. Bán kính tưới 1,5mx4,6m. Áp lực 3.1 bar	bộ	11		
		Lắp đặt đầu phun tia, nhảy múa, góc tưới hình chữ nhật bên trái. Bán kính tưới 1,5mx4,6m. Áp lực 3.1 bar	bộ	10		
		Lắp đặt đầu phun tia, nhảy múa, góc tưới hình chữ nhật ở giữa. Bán kính tưới 1,5mx9,1m. Áp lực 3.1 bar	bộ	49		
		Lắp đặt Co chuyên dụng, 1 đầu ren ngoài 3/4", 1 đầu gài 1/2", chịu áp tối đa 5.5 bar. Dùng để nối giữa đầu tưới và ống dẻo chuyên dụng	cái	1.908		
		Lắp đặt Co chuyên dụng, 1 đầu ren ngoài 1/2", 1 đầu gài 1/2", chịu áp tối đa 5.5 bar. Dùng để nối giữa đầu tưới và ống dẻo chuyên dụng	cái	1.908		

TT	Mô tả công việc	yêu cầu chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (cột 5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Lắp đặt ống dẻo nối đai khơi thủy với thân phun áp lực max 5,5bar (30m/cuộn)	100m	19,18		
		Lắp đặt van tưới tay 3/4", bằng đồng	cái	64		
		Lắp đặt khóa di động kết nối với van tưới tay 3/4", bằng đồng	cái	20		
		Lắp đặt bộ kết nối co răng 3/4" (gắn giữa khóa tay và kết nối ống tưới), bằng đồng	cái	20		
		Lắp đặt đầu phun xoè, góc tưới 0-330 độ. Bán kính tưới 1.8 m. Áp lực 2.1 bar	bộ	21		
		Lắp đặt đầu phun xoè, góc tưới 0-330 độ. Bán kính tưới 2.4 m. Áp lực 2.1 bar	bộ	66		
		Lắp đặt đầu phun xoè, góc tưới 0-330 độ. Bán kính tưới 3.1 m. Áp lực 2.1 bar	bộ	134		
		Lắp đặt đầu phun xoè, góc tưới 0-360 độ. Bán kính tưới 3.7 m. Áp lực 2.1 bar	bộ	126		
		Lắp đặt đầu phun xoè, góc tưới 0-360 độ. Bán kính tưới 4.6 m. Áp lực 2.1 bar	bộ	104		
		Lắp đặt đầu phun xoè, góc tưới 0-360 độ. Bán kính tưới 5.5 m. Áp lực 2.1 bar	bộ	28		
		Lắp đặt đầu phun xoè, góc tưới hình chữ nhật bên phải. Phạm vi tưới 1.2 m x 4,6 m. Áp lực 2.1 bar	bộ	20		
		Lắp đặt đầu phun xoè, góc tưới hình chữ nhật bên trái. Phạm vi tưới 1.2 m x 4,6 m. Áp lực 2.1 bar	bộ	21		
		Lắp đặt đầu phun xoè, góc tưới hình chữ nhật hai bên. Phạm vi tưới 1.2 m x 9,2 m. Áp lực 2.1 bar	bộ	73		
		II/. CÁC PHỤ KIỆN LẮP ĐẶT ĐƯỜNG ỐNG VÀ PHỤ KIỆN:				

TT	Mô tả công việc	yêu cầu chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (cột 5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Lắp đặt ống nhựa HDPE D110 - 8 bar phương pháp hàn gia nhiệt	100m	26,59		
		Lắp đặt ống nhựa HDPE D90 - 8 bar	100m	1,30		
		Lắp đặt ống nhựa HDPE D63 - 8 bar	100m	39,13		
		Lắp đặt ống nhựa HDPE D40 - 8 bar	100m	45,08		
		Lắp đặt ống nhựa HDPE D32 - 8 bar	100 m	0,48		
		Lắp đặt ống thép STK D168x5,56mm	100m	0,30		
		Lắp đặt ống STK D90x3.0mm	100m	6,26		
		Lắp đặt ống thép SUS304 D90x3,05mm	100m	0,06		
		Cà rá đồng D3/4" (2 đầu ren ngoài 3/4")	cái	64		
		Cà rá giảm (ren trong D27, ren ngoài D13)	cái	2		
		Cà rá giảm (ren trong D21, ren ngoài D13)	cái	4		
		Co ren trong D13	cái	4		
		Nối hai đầu ren ngoài D13	cái	8		
		Tứ thông ren trong D13	cái	2		
		Lắp đai khởi thủy D110x3/4"	cái	66		
		Lắp đai khởi thủy D110x2"	cái	2		
		Lắp đai khởi thủy D63x3/4"	cái	823		

TT	Mô tả công việc	yêu cầu chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (cột 5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Lắp đai khô thủy D40x3/4"	cái	1.085		
		Lắp đặt nối thẳng HDPE D90 x 90mm	cái	5		
		Lắp đặt nối thẳng HDPE D63 x 63mm	cái	39		
		Lắp đặt nối thẳng HDPE D40 x 40mm	cái	46		
		Lắp đặt Nối ren ngoài HDPE D90 x 3"	cái	4		
		Lắp đặt Nối ren ngoài HDPE D90 x 2"	cái	22		
		Lắp đặt Nối ren ngoài HDPE D63 x 2"	cái	22		
		Lắp đặt Nối ren trong HDPE D32 x 1"	cái	2		
		Lắp đặt Nối ren trong HDPE D25 x 3/4"	cái	20		
		Lắp nút bít HDPE D110mm	cái	4		
		Lắp nút bít HDPE D63mm	cái	2		
		Lắp nút bít HDPE D40mm	cái	80		
		Lắp đặt tê HDPE D110mm	cái	24		
		Lắp đặt tê HDPE D90mm	cái	9		
		Lắp đặt tê HDPE D63mm	cái	114		
		Lắp đặt tê HDPE D40mm	cái	50		
		Lắp đặt co HDPE D90mm	cái	5		

TT	Mô tả công việc	yêu cầu chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (cột 5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Lắp đặt co HDPE D110mm	cái	8		
		Lắp đặt co HDPE D63mm	cái	140		
		Lắp đặt co HDPE D40mm	cái	129		
		Lắp đặt co HDPE D32mm	cái	8		
		Lắp đặt nối giảm HDPE D110x3"	cái	22		
		Lắp đặt nối giảm HDPE D63x1-1/4"	cái	111		
		Lắp đặt mặt bích HDPE D90	cái	2		
		Lắp đặt van HDPE D110	cái	2		
		Lắp đặt van HDPE D90	cái	22		
		Lắp đặt nối ren ngoài SUS304 D90	cái	2		
		Lắp đặt co SUS304 D90	cái	6		
		Lắp mặt bích SUS304 D90	cặp bích	6		
		Lắp đặt van 1 chiều bướm SUS304 D90	cái	2		
		III/. CÁC PHỤ KIỆN BẢO VỆ ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN, BƠM				
		Lắp đặt ống HDPE xoắn D50/40mm	m	190		
		Lắp đặt ống HDPE xoắn D32/25mm	m	2.700		
		Lắp đặt cáp tín hiệu 2x2,08mm điều khiển cho van điện từ, cảm biến lưu lượng, van tổng.	m	2.700		

TT	Mô tả công việc	yêu cầu chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (cột 5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Lắp đặt cáp tín hiệu 2x1,5mm ² điều khiển cho van điện từ, cảm biến lưu lượng, van tổng.	m	80		
		Lắp đặt dây dẫn Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x16mm ² -0,6/1kV	m	40		
		Lắp đặt dây dẫn Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x25mm ² -0,6/1kV	m	150		
		Lắp đặt máy bơm hoá tiên, lưu lượng Q=21m ³ /h áp lực 7,0Bar, công suất 10,0HP (7,5kW)	máy	2		
		Lắp đặt điện kế cấp điện 3P cho hệ thống (tính một bộ: đồng hồ điện kế+tủ nguồn H760xW500xD320+MCB)	hộp	2		
		Lắp đặt Vỏ tủ nhựa KT: H350xW250xD180mm (Lắp bộ kiểm soát áp suất)	tủ	2		
		Công tắc áp suất (điều chỉnh áp suất 2-14 bar cho hệ thống)	cái	2		
		Lắp đặt Bộ cảm biến áp suất (0-10bar)	cái	2		
		Lắp đặt Đồng hồ đo áp suất	cái	2		
		Lắp đặt Van phao cơ SUS 304-DN25	cái	2		
		Lắp đặt van phao điện chống tràn - chống cạn	cái	4		
		Lắp đặt Cọc tiếp địa mạ đồng D16, L=2,4m	cọc	12		
		Dây đồng trần 25 mm ²	100m	24		
		Cung cấp, lắp đặt cọc thép D12-L500 cố định van tưới tay/ nối đất cho cảm biến lưu lượng	cọc	64		
		Đắp đá 1x2 lót dưới các hộp bảo vệ van	m ³	0,889		

TT	Mô tả công việc	yêu cầu chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (cột 5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		TỔNG NHÓM: III/. CÁC PHỤ KIỆN BẢO VỆ ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN, BOM				
		IV/. PHẦN TỬ ĐIỀU KHIỂN :				
		Lắp đặt Tủ điều khiển 1 lớp cánh composite H1200xW600xD450 (có mái che)	tủ	2		
		Lắp đặt Tủ điều khiển 1 lớp cánh composite H760xW500xD320 (có mái che)	tủ	2		
		Bộ điều khiển tưới tự động IVM. Kiểm soát tối thiểu 60 khu vực khác nhau. Lập trình tưới nước theo lịch 365 ngày và tiết kiệm nước 50%	bộ	2		
		Lắp đặt cảm biến mưa	cái	2		
		Lắp đặt biến tần 3 pha 11kW (15HP) + màn hình hiển thị	bộ	2		
		Cáp điện Vcm 0.75mm ² - (1x24/0.2) 300-500V	m	100		
		Lắp đặt bộ bảo vệ mất pha	cái	2		
		Lắp đặt MCCB - 3P - 63A - 18kA	cái	2		
		Lắp đặt MCB - 3P - 50A - 6kA	cái	2		
		Lắp đặt đèn báo pha D22 cho tủ điều khiển	5 đèn	2,8		
		Lắp đặt nút nhấn điều khiển bằng tay	cái	2		
		Lắp đặt Domino 40A - 30 cực	cái	4		
		Công tắc gạt 3 vị trí	cái	2		

TT	Mô tả công việc	yêu cầu chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (cột 5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Khởi động từ (contactor) MC40A-220V	cái	2		
		Rơ le trung gian 24VAC - 14 chân	cái	4		
		Rơ le nhiệt MT-32 (28-40A)	cái	2		
		Rơ le thời gian 220V (0-60 giây)	cái	2		
		Bộ nguồn 220V/24V DC	cái	2		
		Nút nhấn Reset (màu vàng)	cái	6		
		Đồng hồ đo Volte kế 96mm x 96mm	cái	2		
		Công tắc chuyển mạch 380V	bộ	2		
		Lắp đặt quạt hút tù điện kèm miệng gió 150x150x66mm	cái	2		
		Đồng hồ đo nhiệt	cái	2		
		Bộ cảm biến nhiệt độ	cái	2		
		MÓNG TỬ ĐIỆN (760x500x320)				
		Ván khuôn thép, ván khuôn móng cột	100m2	0,026		
		Bê tông bê tông móng rộng <=250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 16Mpa	m3	0,308		
		TỬ ĐIỆN (1200x600x400)				
		Ván khuôn thép, ván khuôn móng cột	100m2	0,03		
		Bê tông móng rộng <=250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 16Mpa	m3	0,41		

TT	Mô tả công việc	yêu cầu chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (cột 5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Phần ống STK D168, D90 đặt chờ băng đường				
		Đào kênh mương, rãnh thoát nước, đường ống, đường cáp băng thủ công, rộng <= 1m, sâu <=1m, đất cấp II	m3	196,80		
		Đắp đất nền móng công trình, nền đường	m3	192,82		
		Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 27 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp II (1km đầu)	100m3	0,04		
		Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 27T 1km tiếp theo trong phạm vi <= 5km, đất cấp II (3,3km tiếp theo)	100m3	0,04		
		Phần đi ống chính HDPE D110, D90, D63, D40 và ống gân xoắn trong khu vực cỏ kiểng				
		Đào xúc đất để đắp hoặc ra bãi thải, bãi tập kết băng thủ công, đất cấp II	m3	1.422,925		
		Đắp đất nền móng công trình, nền đường	m3	1.376,445		
		Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 27 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp II (1km đầu)	100m3	0,465		
		Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 27T 1km tiếp theo trong phạm vi <= 5km, đất cấp II (3,3km tiếp theo)	100m3	0,465		
		Xếp gạch thẻ cảnh báo cấp ngầm	m2	578,000		
		HỒ ĐỒNG HỒ NƯỚC				
		Đào móng cột, trụ, hồ kiểm tra băng thủ công, rộng > 1m, sâu > 1m, đất cấp II	m3	1,232		
		Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 27 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp II (1km đầu)	100m3	0,012		
		Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 27T 1km tiếp theo trong	100m3	0,012		

TT	Mô tả công việc	yêu cầu chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (cột 5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		phạm vi <= 5km, đất cấp II (3,3km tiếp theo)				
		Bê tông móng rộng <=250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 12Mpa	m3	0,112		
		Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép <= 10mm	tấn	0,012		
		Bê tông móng rộng <=250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 16Mpa	m3	0,224		
		Ván khuôn thép, ván khuôn móng cột	100m2	0,008		
		Xây gạch thẻ 4x8x18, vữa 8Mpa, dày 200	m3	0,864		
		Trát tường chiều dày trát 1,5cm vữa 8Mpa	m2	4,160		
		Thép góc SUS304 V50x50x4	tấn	0,026		
Giá chào (A + B +...) (kết chuyển sang đơn chào hàng, trang số...)						

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu
Giám đốc**

Ghi chú:

Cột (2) (3) (4) (5) do bên mời thầu ghi cho phù hợp với gói thầu. Cột (6) và (7) do nhà thầu chào.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ ⁽²⁾ _____

- Căn cứ ⁽²⁾ _____

- Căn cứ ⁽²⁾ _____

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả chào hàng gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả chào hàng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ ;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A): CÔNG TY TNHH MTV CÔNG VIÊN CÂY XANH TP.HCM

Đại diện : Ông **Lê Thành Khoa** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số 02 Công Trường Quốc Tế, Phường Xuân Hòa, TP.HCM

Điện thoại : 028 38 295 729 Fax : 028. 38 295 614

Số tài khoản : 2011103597004 tại NH TMCP Quân đội – CN Bắc Sài Gòn

hoặc tài khoản : 001879359999 tại NH TMCP Lộc Phát Việt Nam – CN Nhà Bè

Mã số thuế : 0300426575

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B):...

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy

quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp *dịch vụ* với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả chào hàng;
4. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh;
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện hợp đồng của bên B;
- Chủ trì phối hợp với bên B và các bên liên quan lập biên bản giải quyết những vướng mắc phát sinh hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết;
- Bên A thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của bên B

1. Trách nhiệm:

- Tiếp nhận khối lượng công việc do bên A bàn giao;
- Tổ chức thực hiện các công việc thi công Hệ thống tưới theo đúng nội dung của hợp đồng đồng ký kết;
- Bố trí đầy đủ cán bộ có trách nhiệm để phối hợp với bên A trong công tác kiểm tra giám sát cũng như xử lý các tình huống đột xuất;
- Phối hợp với bên A trong việc đánh giá và đề xuất những điều chỉnh, bổ sung (nếu có);
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm về công tác vệ sinh, an toàn lao động khi thi công, đảm bảo thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

- Bên B phải thực hiện hoàn tất hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ thanh toán phân khối lượng của Bên B đảm nhận đối với Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng thi công xây dựng công trình do mình đảm nhận;
- Tuân thủ sự điều hành của bên A và cán bộ tư vấn giám sát trong quá trình thi công công trình;
- Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra (nếu có).

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

- Bên A thanh toán cho bên B bằng: Chuyển khoản
- Thời hạn thanh toán: Sau khi Bên A được Chủ đầu tư nghiệm thu và thanh toán cho hạng mục bên B thi công, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng **07 -14** ngày làm việc khi Bên B xuất trình đầy đủ các chứng từ, hồ sơ nghiệm thu theo yêu cầu của Bên A (bao gồm: Biên bản nghiệm thu hoàn thành theo thực tế, Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành, hóa đơn giá trị gia tăng, giấy đề nghị thanh toán, các chứng từ khác theo yêu cầu của Hợp đồng).

- Thanh toán:

+ Tạm ứng: Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B **30%** giá trị hợp đồng ngay sau khi hợp đồng được ký kết và có hiệu lực.

+ Thanh toán đợt 1: Căn cứ Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo yêu cầu của Hợp đồng. Sau khi Bên A được Chủ đầu tư nghiệm thu và thanh toán cho hạng mục, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B với giá trị **85%** giá trị khối lượng công việc thực tế thi công hoàn thành theo Hợp đồng, và được khấu trừ tỷ lệ **%** giá trị tạm ứng trước đó.

+ Quyết toán: Giá trị **15%** còn lại sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng **07** ngày làm việc kể từ ngày Bên B cung cấp chứng thư bảo lãnh bảo hành có giá trị **5%** giá trị hợp đồng được Ngân hàng hợp pháp tại Việt Nam phát hành có thời hạn **06** tháng, kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng. Nếu Bên B không cung cấp được chứng thư bảo lãnh bảo hành theo quy định nêu trên thì Bên A sẽ giữ số tiền này trong thời hạn **06** tháng kể từ thời điểm nghiệm thu đưa vào sử dụng nhằm để xử lý các sai sót và sửa chữa trong quá trình khai thác sử dụng.

Điều 6. Hình thức hợp đồng: theo đơn giá cố định

Điều 7: Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: **150** ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được gia hạn trong những trường hợp sau:

+ Do bất khả kháng làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và chất lượng công trình phải có xác nhận của bên A.

+ Có thay đổi thiết kế hoặc phát sinh thêm khối lượng công việc thì ngày hoàn tất hợp đồng sẽ phát sinh tương ứng với khối lượng nhận thêm và phải được xác nhận bên A.

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng:

1. Điều chỉnh khối lượng công việc:

a) Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong Hợp đồng thì đối với khối lượng công việc này các bên thỏa thuận điều chỉnh tương ứng;

b) Đối với khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết mà chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được xác định trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng và quy định pháp luật về quản lý chi phí đầu tư dự án. Các bên phải ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán hợp đồng.

2. Điều chỉnh các nội dung khác của Hợp đồng này thì các bên thống nhất điều chỉnh trên cơ sở các thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trước ngày ký hợp đồng

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: đặt cọc, ký quỹ hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A.

3. Trường hợp Bên B bảo lãnh thực hiện hợp đồng bằng tiền mặt, Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: 15 ngày làm việc kể từ ngày công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Điều 10. Quản lý chất lượng công trình xây dựng:

1. Bên B quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu hợp đồng giao nhận thầu, trong đó bộ phận giám sát chất lượng gồm những người có đủ năng lực theo quy định.

- Chuẩn bị hồ sơ nghiệm thu theo quy định và đề nghị bên A tổ chức nghiệm thu sản phẩm các công tác thi công, giai đoạn thi công hạng mục công trình hoàn thành và công trình hoàn thành sau khi đã nghiệm thu nội bộ;

- Báo cáo cho bên A về tiến độ, chất lượng, khối lượng thi công xây lắp theo định kỳ.

2. Bên B có trách nhiệm nghiên cứu kỹ hồ sơ hợp đồng, thực hiện thi công xây dựng theo đúng quy trình, quy phạm về tổ chức thi công.

3. Bên B phải đảm bảo quản lý thi công theo đúng luật xây dựng và nghị định của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình bao gồm: Quản lý chất lượng, quản lý tiến độ, khối lượng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thi công, bảo hành công trình.

4. Bên B chỉ sử dụng các loại vật tư đúng với yêu cầu của hồ sơ thiết kế được duyệt và hồ sơ mời thầu. Những vật tư, vật liệu, thiết bị chính, ... mà bên B đưa vào sử dụng tại công trình phải trình báo và thống nhất với bên A và chỉ những vật tư, vật liệu chính được bên A hoặc Chủ đầu tư chấp nhận bằng văn bản mới được đưa vào sử dụng tại công trình.

5. Bên B phải đảm bảo trình tự thi công, điều kiện nghiệm thu, chất lượng và yêu cầu kỹ thuật của vật tư vật liệu sử dụng tại công trường.

Điều 11. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án nhân dân khu vực xảy ra tranh

chấp hoặc Trung tâm trọng tài khu vực theo quy định pháp luật.

Điều 13: Phạt vi phạm hợp đồng

1. Trường hợp Bên B không hoàn thành công việc theo đúng thời gian thực hiện hợp đồng là **150 ngày** quy định tại Điều 7 (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc lỗi do Bên A), Bên B phải chịu phạt vi phạm tiến độ như sau:

- **Mức phạt:** 1% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm cho mỗi tuần chậm trễ (07 ngày làm việc).
- **Tổng mức phạt:** Không quá **12%** giá trị phần hợp đồng bị vi phạm (để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Thương mại 2005).

2. Nếu Bên B chậm trễ quá **30 ngày** so với tiến độ cam kết, Bên A có quyền:

- Đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 10.
- Tịch thu toàn bộ giá trị Bảo đảm thực hiện hợp đồng (3% giá trị hợp đồng) quy định tại Điều 9.
- Yêu cầu Bên B bồi thường các chi phí vượt trội phát sinh do Bên A phải thuê đơn vị khác hoàn thành phần công việc còn lại.

3. Việc nộp phạt vi phạm không miễn trừ trách nhiệm của Bên B trong việc tiếp tục thực hiện và bảo hành phần công việc đã thực hiện theo đúng các cam kết khác trong hợp đồng.

Điều 14. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng được lập thành 06 bộ, có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 04 bộ, Bên B giữ 02 bộ. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ký.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định./.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu số 03a(1), Mẫu số 03a(2)) hoặc Mẫu số 03b trong bản yêu cầu báo giá này].

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

Gói thầu: ____ [ghi tên gói thầu]

Số: _____ / _____

Căn cứ pháp lý: [nêu các căn cứ pháp lý liên quan đến gói thầu như văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức; văn bản phê duyệt dự toán, KHLCNT; các văn bản liên quan đến gói thầu...].

Hôm nay, ngày ____ / ____ / ____ tại địa chỉ: _____, chúng tôi, đại diện cho các bên thương thảo hợp đồng, gồm có:

Bên mời thầu: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG VIÊN CÂY XANH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

Nhà thầu :

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

Hai bên đã thương thảo và thống nhất những nội dung trong hợp đồng như sau:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa YCBG và HSBG, giữa các nội dung khác nhau trong HSBG có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các đề xuất thay đổi;

c) Thương thảo về nhân sự;

d) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

đ) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định;

e) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

Việc thương thảo hợp đồng kết thúc vào _____ ngày ____ / ____ / ____ . Biên bản thương thảo hợp đồng được lập thành _____ bản, bên A giữ _____ bản, bên B giữ _____ bản, các biên bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
[ký tên, đóng dấu (nếu có)]

ĐẠI DIỆN BÊN B
[ký tên, đóng dấu (nếu có)]

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____ [Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.